

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 289/2022/DS-PT
Ngày 23-12-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền
Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện B1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Đoàn Minh T, sinh năm 1992; địa chỉ: số 7/41, tổ 8, khu 5, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/02/2022); có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1988; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1969; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp B1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Hồ Văn L1, sinh năm 1966 (chết ngày 03-4-2022).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L1:

+ Bà Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1988; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị H1, sinh năm 1969; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Mỹ Thanh, sinh năm 1997; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp B1, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố T1, phường T, thị xã T2, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố B1, phường K, thị xã T2, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L và bà Trần Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đoàn Minh T trình bày:

Nguyên trước đây ông H có quen với bà Hồ Thị Mỹ L nên khi bà L hỏi vay tiền ông H làm ăn, có cha mẹ bà L là ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 đứng ra bảo lãnh chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H nếu như đến hạn mà bà L không trả thì ông H đồng ý. Ngày 12-3-2021, bà L có ký “giấy mượn tiền” ông H với số tiền là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) để làm vốn kinh doanh, lãi suất tính theo lãi suất của ngân hàng, thời hạn vay là 03 tháng. Khi bà L ký “giấy mượn tiền” của ông H có cha mẹ bà L là ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 ký xác nhận bảo lãnh cho bà L. Nếu sau này bà L không có khả năng để trả nợ cho ông H thì ông L1, bà H1 sẽ là người thay bà L hoàn trả lại cho ông H số tiền nêu trên. Tuy nhiên sau khi vay tiền của ông H thì bà L không trả lãi cho ông H theo thỏa thuận, đồng thời tới hạn trả tiền gốc thì bà L cũng không trả lại cho ông H. Ông H đã nhiều lần đến gặp và yêu cầu bà L hoàn trả lại cho ông H số tiền gốc đã vay cùng tiền lãi tuy nhiên bà L không trả mà tránh né không gặp, đồng thời cha mẹ bà L là ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 cũng không đồng ý trả nợ thay cho bà L như đã cam kết bảo lãnh từ ban đầu. Do vợ chồng ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 đứng ra bảo lãnh cho bà Hồ Thị Mỹ L nên phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ cho ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

- Buộc bà Hồ Thị Mỹ L, ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền nợ gốc là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

- Buộc bà Hồ Thị Mỹ L, ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền lãi của nợ gốc là: 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) theo lãi suất mà Bộ luật Dân sự quy định là 10%/năm tương đương với 0,83%/tháng. Lãi suất tính từ ngày 12-3-2021 đến ngày 08-7-2022 là 15 tháng 26 ngày số tiền là: 6.000.000.000 đồng x (15 tháng x 26 ngày x 0,83%) = 790.160.000 đồng. Tổng số tiền là: 6.000.000.000 đồng + 790.160.000 đồng =

6.790.160.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm chín mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Do ông Hồ Văn L1 chết ngày 03 tháng 4 năm 2022 nên ông H yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông L1 để lại.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy mượn tiền ngày 12-3-2021 (photo đã đối chiếu bản chính), sao kê tài khoản ngân hàng của ông Nguyễn Thanh H tại Ngân hàng BIDV (bản sao)

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L1 là bà Hồ Thị Mỹ L trình bày:

Xuất phát từ việc mua bán heo rừng lâu năm, gia đình bà L đã biết ông Nguyễn Thanh H. Vào khoảng tháng 8 năm 2020, việc kinh doanh của bà L và gia đình gặp nhiều khó khăn và bà L làm ăn thua lỗ. Khi biết sự việc trên, ông Nguyễn Thanh H đã đến gặp bà L và đưa ra đề nghị sẽ giúp đỡ gia đình bà L sau khi chuyển nhượng được phần đất của ông H. Đến đầu tháng 3 năm 2021, ông Nguyễn Thanh H lại nói với bà L rằng ông H không chuyển nhượng được đất, thay vào đây, sau khi mẹ ông H qua đời đã để lại số tài sản là 18.000.000.000 đồng, do đó ông Nguyễn Thanh H tiếp tục đề nghị sẽ cho gia đình bà L mượn tiền để giải quyết việc kinh doanh của gia đình. Do hoàn cảnh của bà L và gia đình bà L hiện tại quá khó khăn, bế tắc nên việc đề nghị của ông H có thể coi là cứu cánh duy nhất đối với việc kinh doanh của gia đình bà L, do đó gia đình bà L đã đồng ý sẽ mượn tiền của ông H để khắc phục phần nào tình hình. Ông H yêu cầu bà L là phải viết giấy mượn tiền đồng thời buộc cha mẹ bà L ký tên bảo lãnh thì ông H sẽ cho gia đình bà L mượn số tiền là 6.000.000.000 đồng. Vào ngày 12-3-2021, sau khi bà L viết xong giấy mượn tiền, ông H nói sẽ chở bà L đi Ngân hàng rút tiền. Tuy nhiên, khi đang đi giữa đường ông H lại lấy lý do rằng chị ông H cần xem bản chính giấy mượn tiền nên bảo bà L chờ để ông H chạy xe về nhà, khi nào chị gái xem xong sẽ ra Ngân hàng rút tiền đưa bà L. Một lúc sau, ông H quay lại nói là chị ông H yêu cầu bà L điền thêm dòng chữ 0,3 tháng trên dòng thời hạn 1 năm để coi như đó là thời gian lấy lãi 3 tháng 01 lần vì bà L đang khó khăn. Thấy ông H tạo điều kiện có lợi cho mình nên bà L đã thực hiện theo nhưng bà L không gạch bỏ dòng chữ 01 năm. Sau đó ông H lấy bản chính giấy mượn tiền này đem về cho chị gái xem. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, do đợi mãi không thấy ông H quay lại nên bà L đã gọi điện trực tiếp cho ông H và được ông H cho biết ông đã liên hệ với Giám đốc Ngân hàng, phía Ngân hàng làm việc đến 18 giờ mới nghỉ nên không lo không kịp để rút tiền. Do sự tin tưởng với ông H nên gia đình bà L đồng ý tiếp tục đợi. Một lúc sau, ông H gọi điện lại cho bà L nói rằng do bà chị dờ chừng không chịu đồng ý cho mượn tiền nên phải chạy xuống Thành phố Hồ Chí Minh cho ba ông H xem nội dung giấy mượn tiền và xin ba ông H đồng ý. Bà L tiếp tục gọi cho ông H từ 20 giờ đến 23 giờ cùng ngày ông H mới nghe máy và bảo bà L đợi đến ngày 15-3-2021. Gia đình bà L đợi đến ngày 15-03-2021 ông H vẫn im lặng, không có bất kỳ liên lạc gì với gia đình bà L.

Hiện nay trước yêu cầu khởi kiện của ông H thì bà L không đồng ý vì thực tế bà L có viết giấy mượn tiền của ông H ngày 12-3-2021, nội dung mượn tiền là do bà L viết, cha mẹ bà L là ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 có viết vào giấy mượn tiền nội dung bảo lãnh chi trả thay bà L số tiền 6.000.000.000 đồng nhưng sự thật là ông H chưa giao số tiền này cho gia đình bà L.

Chúng cứ bị đơn bà L cung cấp là sao kê tài khoản ngân hàng của bà Hồ Thị Mỹ L tại Ngân hàng Vietcombank (bản sao); Đoạn tin nhắn và hình ảnh bà Hồ Thị Mỹ L cung cấp (bản photo)

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Văn L1 trình bày:

Thông nhất lời trình bày của bà Hồ Thị Mỹ L, ông L1 có viết vào giấy mượn tiền ngày 12-3-2021 với nội dung đồng ý bảo lãnh chi trả cho bà L số tiền 6.000.000.000 đồng mà bà L vay của ông H. Tuy nhiên thực tế gia đình ông L1 không nhận bất kỳ số tiền nào từ ông H vì vậy ông L1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L1 là bà Trần Thị H1 trình bày:

Thông nhất lời trình bày của bà Hồ Thị Mỹ L, bà H1 có viết vào giấy mượn tiền ngày 12-3-2021 với nội dung đồng ý bảo lãnh chi trả cho bà L số tiền 6.000.000.000 đồng mà bà L vay của ông H. Tuy nhiên thực tế gia đình bà H1 không nhận bất kỳ số tiền nào từ ông H vì vậy bà H1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L1 là bà Hồ Thị Mỹ Thanh trình bày:

Thông nhất lời trình bày của bà Hồ Thị Mỹ L, thực tế gia đình bà L không nhận bất kỳ số tiền nào từ ông H vì vậy bà Thanh không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Bùi Văn C trình bày:

Vào ngày 12-3-2021, ông Nguyễn Thanh H có nhờ ông C đến nhà làm chứng cho việc giao dịch vay tiền giữa ông H với bà Hồ Thị Mỹ L. Trong buổi nói chuyện, ông C có nghe bà L thừa nhận với ông H rằng bà L đã nhận chuyển khoản từ ông H với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng và nay ông H tiếp tục cho bà L vay thêm số tiền mặt là 4.500.000.000 đồng. Sau đó, ông C thấy bà L đã kiểm, đếm tiền đầy đủ và ông H có xác nhận lại là tổng số tiền bà L vay là 6.000.000.000 đồng. Bà L đồng ý xác nhận nợ vay, ký tên, điểm chỉ đầy đủ trước mặt ông C. Sau đó, ông C thấy giao dịch vay tiền của ông H, bà L đã xong nên ông C đi về. Ông C cam đoan sự việc trên là đúng sự thật, nếu sai ông C hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bà H2 là chị dâu của bà L, vào khoảng 02 giờ chiều ngày 12-3-2021, bà Hoa thấy có 01 người đi xe bán tải màu cam biển số 61C-436.85 chở bà Hồ Thị Mỹ L về nhà bà H2. Khi bà H2 hỏi bà L người này là ai thì bà L nói người này là người cho bà L mượn tiền, người này có hẹn một lúc sau sẽ quay lại chở bà L đi rút tiền ở Ngân hàng. Tuy nhiên, bà L ngồi chờ ở nhà bà H2 đến khoảng 23 giờ cùng ngày nhưng người này vẫn không quay lại. Ngày hôm sau bà L nói với bà H2 rằng vẫn chưa lấy được tiền.

Tại bản án sơ thẩm số 14 /DS-ST, ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H đối với bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L, bà Trần Thị H1, ông Hồ Văn L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Bà Hồ Thị Mỹ L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 6.790.160.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm chín mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 790.160.000 đồng (bảy trăm chín mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.2. Trường hợp bà Hồ Thị Mỹ L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bà Trần Thị H1 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn L1 gồm bà Hồ Thị Mỹ L, bà Trần Thị H1, bà Hồ Thị Mỹ Thanh có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 6.790.160.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm chín mươi triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn L1 gồm bà Hồ Thị Mỹ L, bà Trần Thị H1, bà Hồ Thị Mỹ Thanh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Hồ Văn L1 để lại.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” đối với các phần đất thuộc thửa số 101, tờ bản đồ số 31 và các thửa số 112, 947, 114, 115 tờ bản đồ số 32 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp 01241/QSDD/1757/QĐ-UB do UBND huyện Bến Cát cấp cho hộ ông Hồ Văn L1 ngày 12-4-2004 (đính chính nội dung tên người sử dụng đất từ hộ ông Hồ Văn L1 thành ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 được Ủy ban nhân dân huyện B xác nhận ngày 11-5-2018) để đảm bảo việc thi hành án cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 20/7/2022 bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L và bà Trần Thị H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L và bà Trần Thị H1 vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Hồ Thị Mỹ L và bà Trần Thị Hồng kháng cáo, việc kháng cáo của các đương sự còn trong hạn luật định nên có căn cứ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung vụ án theo giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2021 thể hiện nội dung ông H cho bà L mượn số tiền 6.000.000.000 đồng, ông H cho rằng đã giao tiền cho bà L nhưng bà L khai rằng chưa nhận tiền của ông H, vì vậy cần phải tạm ngừng phiên tòa để đối chất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đối chất.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L, bà Trần Thị H1 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Hồ Văn L1 là bà Hồ Thị Mỹ Thanh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về xác định người tham gia tố tụng: Ông Hồ Văn L1 là bị đơn nhưng ông Hồ Văn L1 chết ngày 03 tháng 4 năm 2022 nên căn cứ khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định bà Hồ Thị Mỹ L, bà Trần Thị H1, bà Hồ Thị Mỹ Thanh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn L1.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để yêu cầu thanh toán số tiền vay 6.000.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 12/3/2021.

[2.1] Xét về hình thức hợp đồng: Hợp đồng vay tài sản giữa bà Hồ Thị Mỹ L và ông Nguyễn Thanh H, người bảo lãnh khoản vay cho bà L là ông Hồ Văn L1, bà Trần Thị H1 cha, mẹ của bà L được lập vào ngày 12-3-2021, tiêu đề của hợp đồng là “Giấy mượn tiền”. Vì vậy, về hình thức hợp đồng vay tài sản là có giá trị pháp lý, phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Về nội dung của hợp đồng: Theo Giấy vay tiền ngày 12-3-2021 thể hiện người viết có chữ ký của bà Hồ Thị Mỹ L, nội dung là bà L có mượn của ông H số tiền 6.000.000.000 đồng, mục đích để làm vốn kinh doanh làm công việc, tính theo lãi suất ngân hàng, bên bảo lãnh có chữ ký của ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1. Về phần ghi “thời hạn: 0,3 tháng”, căn cứ lời khai của ông H việc ghi “0,3 tháng” được hiểu là “3 tháng”; lời khai của bà L, ông L1, bà H1 cũng xác định việc ghi “0,3 tháng” được hiểu là “3 tháng” (bút lục 74), nội dung này được các đương sự thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông H xác

định việc ghi 0,3 tháng nghĩa là thời hạn vay 3 tháng còn bà L, ông L1, bà H1 xác định việc ghi 0,3 tháng trên dòng thời hạn 1 năm nghĩa là thời gian lấy lãi 3 tháng 01 lần và bà Loan không gạch bỏ dòng chữ “1 năm”. Do bà L, ông L1, bà H1 không có chứng cứ chứng minh cho lời khai đồng thời căn cứ vào giấy mượn tiền có cơ sở xác định nội dung này nghĩa là thời hạn vay 3 tháng.

[2.3] Về tiền gốc: Bà L, ông L1, bà H1 thừa nhận thực tế bà L có viết giấy mượn tiền nội dung bà L có vay của ông H số tiền 6.000.000.000 đồng ngày 12-3-2021, ông Hồ Văn L1 và bà Trần Thị H1 có viết vào giấy mượn tiền nội dung đồng ý bảo lãnh chi trả thay bà L số tiền 6.000.000.000 đồng trường hợp bà L không có khả năng chi trả (bút lục 128), có chữ ký của bà L, ông L1, bà H1 nhưng bà L, ông L1, bà H1 khai ông H chưa giao số tiền này cho gia đình bà L. Tuy nhiên ông H khai rằng ông H đã giao tiền cho bà L tiền mặt và chuyển khoản qua Ngân hàng trước đó nên ngày 21/3/2021 làm giấy mượn tiền. Căn cứ vào giấy mượn tiền có căn cứ để xác định bà L có mượn của ông H số tiền 6.000.000.000 đồng và ông L1, bà H1 bảo lãnh khoản vay cho bà L.

[2.4] Về tiền lãi: Theo giấy vay tiền ngày 12-3-2021 thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất theo ngân hàng, nguyên đơn yêu cầu tính mức lãi suất là 0,83%/tháng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy có căn cứ xác định tiền lãi suất theo giấy vay tiền ngày 12-3-2021 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08-7-2022) số tiền là: $6.000.000.000 \text{ đồng} \times (15 \text{ tháng} \times 26 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng}) = 790.160.000 \text{ đồng}$.

[2.5] Theo nội dung giấy vay tiền ngày 12-3-2021 thể hiện bà L là người vay tiền của ông H còn ông L1 và bà H1 là người bảo lãnh vì vậy bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền đã vay cho ông H, trường hợp bà L không trả thì ông L1 và bà H1 phải trả cho ông H căn cứ theo quy định tại Điều 338, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Do ông Hồ Văn L1 chết ngày 03/4/2022 nên những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồ Văn L1 gồm bà Trần Thị H1 (vợ), bà Hồ Thị Mỹ Thanh (con) và bà Hồ Thị Mỹ L (con) phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông L1 để lại là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ hủy bỏ khi đương sự có yêu cầu được quy định tại Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đối chất tuy nhiên tại Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đối chất nhưng các đương sự không có mặt đầy đủ nên không đối chất được và tại cấp phúc thẩm bị đơn bà L, bà H1 và kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L1 là bà H1, bà L và bà Thanh có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể đối chất được nên đề nghị của Kiểm sát viên chưa phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hồ Thị Mỹ L và bà Trần Thị H1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn bà Hồ Thị Mỹ L phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0009262 ngày 26/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn bà Trần Thị H1 phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0009263 ngày 26/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Bích Diệp